|  |  |
| --- | --- |
| Name | Kiểm tra mã vận đơn |
| Code |  |
| Short description | Kiểm tra về thông tin đơn hàng nhờ vào mã vận đơn |
| Actor | Hệ thống giao hàng |
| Trigger | Người sử dụng bấm vào nút kiểm tra mã vận đơn trên hệ thống |
| Pre-condition | Mã vận đơn này đã tồn tại trong hệ thống |
| Post-condition | Hệ thống vẫn giữ nguyên trạng thái |
| Standard process (flow) | 1. Người sử dụng đăng nhập vào hệ thống  2. Người sử dụng dùng chức năng kiểm tra mã vận đơn  3. Người sử dụng nhập vào mã vận đơn để tiến hành kiểm tra  4. Hệ thống hiển thị các thông tin chi tiết về đơn hàng |
| Alternative process (flow) | 4’. Mã vận đơn không tồn tại trên hệ thống  5’. Hệ thống thông báo lỗi cho nhân viên |
| Error situations: | Nhân viên không kiểm tra được đơn hàng |
| System state in error situation | Hệ thống không hiển thị thông tin đơn hàng |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Thống kê số lượng đơn hàng để giao |
| Code |  |
| Short description | Hệ thống thống kê được đơn hàng cần giao và thông báo cho nhân viên |
| Actor | Hệ thống giao hàng |
| Trigger | Nhân viên bấm vào nút “Thống kê đơn hàng cần giao” trên hệ thống |
| Pre-condition | Đã có dữ liệu về đơn hàng và trạng thái của chúng trên hệ thống |
| Post-condition | Hệ thống vẫn giữ nguyên trạng thái |
| Standard process (flow) | 1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống  2. Nhân viên bấm vào nút “Đơn hàng cần giao” trên tài khoản của mình  3. Hệ thống thực hiện thống kê và thông báo cho nhân viên |
| Alternative process (flow) | 3’. Hệ thống gặp lỗi trong quá trình thống kê  4’. Hệ thống thông báo gặp trục trặc và sẽ nhanh chóng sửa lỗi |
| Error situations: | Không thể thực hiện thống kê đơn hàng |
| System state in error situation | Hệ thống không thông báo được cho nhân viên đơn hàng mà họ cần giao |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Kiểm tra thông tin trung chuyển |
| Code |  |
| Short description | Cho phép nhân viên kiểm tra được thông tin trung chuyển của một đơn hàng |
| Actor | Hệ thống giao hàng |
| Trigger | Nhân viên nhấn vào nút “Kiểm tra trung chuyển” của một đơn hàng |
| Pre-condition | Đã có dữ liệu về đơn hàng và thông tin trung chuyển của chúng trên hệ thống |
| Post-condition | Hệ thống vẫn giữ nguyên trạng thái |
| Standard process (flow) | 1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống  2. Nhân viên bấm vào nút “Kiểm tra trung chuyển” trên tài khoản của mình  3. Hệ thống yêu cầu nhập mã đơn hàng để có thể kiểm tra  4. Nhân viên nhập vào mã đơn hàng  5. Hệ thống lấy thông tin trung chuyển và hiển thị lên |
| Alternative process (flow) | 4’. Nhân viên nhập vào mã đơn hàng không tồn tại trên hệ thống  5’. Hệ thống thông báo lỗi và sẽ chuyển về màn hình yêu cầu nhập mã đơn hàng |
| Error situations: | Không thể tra cứu thông tin trung chuyển |
| System state in error situation | Hệ thống không hiển thị thông tin trung chuyển |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Cập nhật trạng thái đơn hàng |
| Code |  |
| Short description | Cho phép nhân viên cập nhật về trạng thái đơn hàng trên hệ thống |
| Actor | Hệ thống giao hàng |
| Trigger | Nhân viên bấm vào nút “Cập nhật trạng thái đơn hàng” trên hệ thống và tiến hành cập nhật |
| Pre-condition | Đơn hàng không nằm trong trạng thái “Đã giao” hoặc “Huỷ đơn” |
| Post-condition | Trở về trang cập nhật trạng thái đơn hàng |
| Standard process (flow) | 1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống  2. Nhân viên chọn chức năng “Cập nhật trạng thái đơn hàng”  3. Hệ thống hiển thị trạng thái hiện tại của đơn hàng  4. Nhân viên cập nhật trạng thái của đơn hàng  5. Hệ thống lưu trạng thái của đơn hàng |
| Alternative process (flow) | 4’. Nhân viên cập nhật không đúng trạng thái đơn hàng  5’. Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhân viên cập nhật lại trạng thái |
| Error situations: | Đơn hàng bị cập nhật sai trạng thái |
| System state in error situation | Hệ thống giữ nguyên trạng thái trước khi cập nhật đơn hàng |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Xử lí yêu cầu đơn hàng |
| Code |  |
| Short description | Nhân viên xử lí yêu cầu đơn hàng theo yêu cầu của người mua |
| Actor | Hệ thống giao hàng |
| Trigger | Người mua hàng tạo yêu cầu cho đơn hàng của mình |
| Pre-condition | Thông tin về đơn hàng và yêu cầu xử lí phải hợp lệ |
| Post-condition | Hệ thống ghi nhận lại các xử lí |
| Standard process (flow) | 1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống  2. Nhân viên chọn chức năng “Xem yêu cầu của đơn hàng”  3. Sau khi xử lí xong sẽ thông báo lên hệ thống  4. Hệ thống ghi nhận lại các xử lí |
| Alternative process (flow) | 3’. Nhân viên chưa xử lí các yêu cầu của đơn hàng nhưng đã thông báo hệ thống  4’. Hệ thống vẫn ghi nhận lại là đã xử lí |
| Error situations: | Đơn hàng chưa được xử lí đúng theo yêu cầu của khách hàng |
| System state in error situation | Hệ thống vẫn ở trạng thái bình thường |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Cập nhật dòng tiền |
| Code |  |
| Short description | Cho phép nhân viên giao hàng cập nhật dòng tiền lên hệ thống |
| Actor | Hệ thống giao hàng |
| Trigger | Nhân viên cập nhật các dòng tiền vào hệ thống |
| Pre-condition | Thông tin cập nhật phải hợp lệ |
| Post-condition | Hệ thống cập nhật lại dòng tiền trong hệ thống |
| Standard process (flow) | 1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống  2. Nhân viên chọn chức năng “Cập nhật dòng tiền”  3. Nhân viên nhập thông tin đơn hàng giao và số tiền nhận từ khách hàng  4. Hệ thống cập nhật lại các dòng tiền trong hệ thống |
| Alternative process (flow) | 3’. Nhân viên nhập sai thông tin đơn hàng giao và sai giá tiền nhận từ khách của đơn hàng đó  4’. Hệ thống thông báo lỗi cho nhân viên  5’. Trở về bước nhập thông tin đơn hàng giao và giá tiền |
| Error situations: | Dòng tiền chưa cập nhật lên hệ thống |
| System state in error situation | Hệ thống vẫn chưa cập nhật lại dòng tiền hệ thống |